

CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NGÂN HÀNG GÓP PHẦN ĐẨY MẠNH THANH TOÁN SỐ TRONG NỀN KINH TẾ

Lương Văn Hải¹
Email: hailv@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 21/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.683

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, để phù hợp với thông lệ quốc tế, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, của nền kinh tế, hệ thống ngân hàng Việt Nam, đặc biệt là các Ngân hàng thương mại đã và đang ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số vào hoạt động. Đây là nội dung trọng tâm của chuyển đổi số ngành ngân hàng hiện nay cũng như trong các năm tới, trong đó chuyển đổi rõ rệt nhất là thanh toán số và cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá thực trạng chuyển đổi số ngành Ngân hàng, hoạt động thanh toán số trong nền kinh tế, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị có liên quan.

Từ khóa: Chuyển đổi số, ngành ngân hàng, nền kinh tế số, thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt

I. Đặt vấn đề

Thực hiện chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo “Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021”. Sau bốn năm triển khai theo Quyết định số 810, ngành Ngân hàng đã ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Những kết quả này thể hiện ở các khía cạnh như xây dựng thể chế, phát triển hạ tầng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, qua đó góp phần tích

cực vào sự phát triển của nền kinh tế. Theo Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng cho biết: “Nhiều nghiệp vụ cơ bản đã được số hóa hoàn toàn 100%, như: Tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, mở thẻ ngân hàng, ví điện tử, chuyển tiền, cho vay... Giao dịch số hóa tại nhiều tổ chức tín dụng (TCTD) tại Việt Nam đạt tỷ lệ trên 95%. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng xử lý bình quân 820 nghìn tỷ đồng mỗi ngày, Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử xử lý 26 triệu giao dịch mỗi ngày. Hạ tầng thông tin tín dụng quốc gia được nâng cấp để gia tăng khả năng xử lý, cập nhật dữ liệu tự động, đồng thời mở rộng thu thập và

¹ Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Mở Hà Nội

cập nhật dữ liệu trong và ngoài ngành với tỉ lệ cập nhật số liệu thành công từ TCTD đạt mức cao trên 98%. Hơn 113 triệu hồ sơ khách hàng cá nhân và hơn 711 nghìn hồ sơ khách hàng tổ chức đã được đối chiếu thông tin sinh trắc học, đạt hơn 66% tổng số lượng tài khoản thanh toán tổ chức phát sinh giao dịch trên kênh số” (Trần Hương, 2025). Bài viết tập trung làm rõ thực trạng chuyển đổi số của ngành Ngân hàng, hoạt động thanh toán số trong nền kinh tế, trên cơ sở đó đưa ra một số đánh giá, khuyến nghị phù hợp với mục tiêu của bài viết.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính truyền thống, như:

Phương pháp thu thập số liệu: Phương pháp này được tác giả sử dụng vào thu thập số liệu dựa trên các nguồn tư liệu và số liệu thứ cấp của các cơ quan, tổ chức đã công bố.

Phương pháp phân tích: Phương pháp này được tác giả sử dụng để làm rõ thực trạng chuyển đổi số của ngành Ngân hàng Việt Nam và thực trạng thanh toán số trong nền kinh tế.

Phương pháp đánh giá: Phương pháp này được tác giả sử dụng để chỉ ra những kết quả đạt được, những vấn đề đặt ra đối với hoạt động chuyển đổi số của ngành Ngân hàng và thanh toán số trong nền kinh tế.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về chuyển đổi số

Theo định nghĩa của Gartner, một trong những công ty nghiên cứu và tư vấn công nghệ thông tin hàng đầu thế giới, chuyển đổi số được hiểu là: *“Việc ứng dụng các công nghệ số nhằm thay đổi mô hình kinh doanh, đồng thời tạo ra cơ hội mới, gia tăng doanh thu và giá trị cho doanh nghiệp”*.

2.2. Lợi ích của chuyển đổi số

Theo các báo cáo từ những công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu như Gartner và IDC, chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, bao gồm:

- Tiếp cận nhiều khách hàng hơn, xóa bỏ ranh giới vật lý trong kinh doanh;
- Tạo ra sản phẩm/dịch vụ mới hoặc phương thức phục vụ mới;
- Giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn nhờ nguồn thông tin quản lý dồi dào và hệ thống hơn;
- Loại bỏ nhiều khâu trung gian, tối ưu hóa quy trình của doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và mang lại lợi ích, sự tiện lợi khách hàng;
- Ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn nhờ hệ thống báo cáo thông suốt, kịp thời;
- Nâng cao năng suất lao động nhờ đòn bẩy công nghệ.

2.3. Các bước chuyển đổi số trong ngân hàng

Theo nghiên cứu của Mersch (2017), có 5 bước chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng như sau:

Bước 1: Đánh giá để hiểu biết các bước ứng dụng và công nghệ. Trước khi thực hiện chuyển đổi số, ngân hàng phải đánh giá được chi phí và hiệu quả hoạt động của các ứng dụng và công nghệ hiện có nhằm nhận diện được những yếu kém về công nghệ và lãng phí về tài chính. Hiện nay, các nền tảng khoa học phân tích dữ liệu tự động giám sát và quản lý công nghệ trên hệ thống, có thể giúp phát hiện sớm các vấn đề khi vận hành, tối ưu hóa chi tiêu cho công nghệ.

Bước 2: Đơn giản hóa cơ sở hạ tầng, ứng dụng và quy trình dựa trên các hiểu biết thu được từ việc đánh giá hiểu biết các bước ứng dụng và công nghệ. Việc ứng dụng hệ thống công nghệ dư thừa, trùng lắp, hay ít sử dụng làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả và làm trì trệ khả năng đổi mới, sáng tạo của các ngân hàng. Do đó, việc đơn giản hóa cơ sở hạ tầng, ứng dụng và các quy trình sẽ giúp cho ngân hàng thiết kế lại để phù hợp với mô hình ngân hàng số toàn diện.

Bước 3: Đẩy nhanh quá trình đổi mới thông qua các nền tảng module. Các nền tảng module tích hợp, các giao diện lập trình ứng dụng cũng đóng góp vào quá trình tích hợp hệ thống ngân hàng với nền kinh tế giao diện lập trình ứng dụng. Ngân hàng cũng có thể lựa chọn các module và giao diện lập trình ứng dụng dựa trên các ưu tiên kinh doanh của mình và tốc độ hiện đại hóa mong muốn.

Bước 4: Thiết kế các quy trình và ứng dụng dựa trên kinh nghiệm có được. Thiết kế của ngân hàng nên dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về hành vi và cách sử dụng của khách hàng để tiếp tục đổi mới các dịch vụ và tập trung vào trải nghiệm của khách hàng. Các nền tảng khoa học phân tích dữ liệu có thể giúp đơn giản và tối ưu hóa việc áp dụng dữ liệu lớn thông qua cung cấp các giải pháp phân tích tích hợp sẵn và dễ sử dụng cho nhóm khách hàng doanh nghiệp.

Bước 5: Xây dựng các ứng dụng mới có thể hỗ trợ các mô hình kinh doanh mới, danh mục sản phẩm và kênh phân phối mới. Ngân hàng tập trung xây dựng các ứng dụng ngân hàng mới, thông minh, nhằm tạo ra lợi thế người đi đầu trong ứng dụng công nghệ số. Phát triển các ứng dụng đổi mới và thông minh cho phép

ngân hàng thu hút được các phân khúc khách hàng mới nhằm tạo ra kênh thu nhập mới.

III. Thực trạng chuyển đổi số của ngành Ngân hàng Việt Nam

Để thực hiện chuyển đổi số ngành Ngân hàng theo “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Năm 2023, với chủ đề: “Ứng dụng dữ liệu dân cư trong hoạt động ngân hàng - động lực thúc đẩy chuyển đổi số”, ngành Ngân hàng đã đặt nền móng số hóa quy trình lõi, khai thác dữ liệu quốc gia để định danh chính xác khách hàng. Tiếp đó, năm 2024, với chủ đề: “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số”, ngành Ngân hàng đã tiên phong kết nối hệ sinh thái liên ngành, hợp tác giữa ngành Ngân hàng với các ngành lĩnh vực khác để phục vụ người dân một cách toàn diện. Bên cạnh đó, NHNN không ngừng hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số ngân hàng; luôn chú trọng đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi số ngành ngân hàng.

Năm 2025, nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ tại Nghị quyết 57-NQ/TW và bám sát chủ đề chuyển đổi số quốc gia năm 2025, đó là: “Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số”, ngành Ngân hàng đã chọn chủ đề: “Hệ sinh thái số thông minh trong kỷ nguyên mới”, với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, ứng dụng công nghệ để nâng cao trải nghiệm và đáp ứng nhu cầu tài chính đa dạng. Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng còn nhấn mạnh: “Chủ đề này thể hiện quyết tâm của ngành Ngân hàng trong việc hiện thực hóa chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

và chuyển đổi số quốc gia, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025, hướng đến hệ sinh thái số liên thông, kết nối với các ngành kinh tế khác, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế số” (Trần Hương, 2025).

Hiện nay, ngành Ngân hàng đã phát triển nhiều sản phẩm và dịch vụ tiện ích, thân thiện với người dùng, mang lại giá trị thực tiễn và đáp ứng hiệu quả các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Nhiều nghiệp vụ cốt lõi đã được số hóa hoàn toàn như: tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, mở thẻ ngân hàng, ví điện tử, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, chuyển tiền, cho vay... Tỷ lệ giao dịch số hóa tại nhiều TCTD đạt trên 95%. Thông tin sinh trắc học đã được đối chiếu cho hơn 113 triệu hồ sơ khách hàng cá nhân và hơn 711 nghìn hồ sơ khách hàng tổ chức, chiếm hơn 66% tổng số tài khoản thanh toán tổ chức có phát sinh giao dịch qua kênh số. Hạ tầng thông tin tín dụng quốc gia cũng được nâng cấp nhằm tăng khả năng cập nhật và xử lý dữ liệu tự động, đồng thời mở rộng phạm vi thu thập và cập nhật dữ liệu trong và ngoài ngành, với tỷ lệ cập nhật dữ liệu thành công từ các TCTD vượt 98%. Bên cạnh đó, tỷ lệ người trưởng thành tại Việt Nam sở hữu tài khoản ngân hàng đạt gần 87% (Trần Hương, 2025). Theo số liệu từ Vụ Thanh toán - Ngân hàng Nhà nước, đến cuối tháng 3/2025, tổng số thẻ ngân hàng còn hiệu lực do người dân Việt Nam nắm giữ là gần 157 triệu thẻ, tăng một triệu thẻ trong ba tháng đầu năm. Trong số này, thẻ nội địa chiếm gần 107 triệu thẻ, còn lại là thẻ thanh toán quốc tế với 50 triệu thẻ. Số lượng thẻ đang lưu hành hiện cao gần gấp rưỡi so với bốn năm trước (Phương Đông, 2025). Ngoài ra, Ngân hàng Nhà

nước cũng cho biết đến cuối tháng 3/2025 có 47 tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử, với tổng số gần 46,01 triệu ví điện tử được kích hoạt; trong đó khoảng 30,27 triệu tài khoản ví điện tử đang hoạt động, chiếm 65,8% trên tổng số đã kích hoạt (Hương Dịu, 2025).

Bên cạnh đó, ngành Ngân hàng còn phối hợp với Bộ Công an triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) và đã đạt được những hiệu quả đáng kể. Theo ông Đoàn Thanh Hải, Phó Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin thuộc NHNN cho biết: “Triển khai Đề án 06 đã góp phần giúp ngành Ngân hàng làm sạch được dữ liệu khách hàng và loại bỏ các tài khoản ngân hàng không chính chủ. Tính đến hết ngày 16/5/2025, đã đối chiếu, làm sạch hơn 130,5 triệu hồ sơ khách hàng cá nhân (113 triệu hồ sơ thông qua căn cước công dân gắn chip/VneID và 17,5 triệu hồ sơ đối chiếu offline) và hơn 711,3 nghìn hồ sơ khách hàng tổ chức”. Còn theo ông Phạm Anh Tuấn, Vụ trưởng Vụ Thanh toán thuộc NHNN cho biết: “Toàn ngành có 60 TCTD ứng dụng căn cước công dân (CCCD) tại quầy; 56 TCTD và 39 tổ chức trung gian thanh toán (TGTT) sử dụng CCCD qua điện thoại; 32 TCTD và 15 tổ chức TGTT triển khai ứng dụng VneID; 16 đơn vị thử nghiệm liên kết tài khoản ngân hàng với tài khoản an sinh xã hội và một số TCTD đang ứng dụng và nghiên cứu chấm điểm khả tín khách hàng từ dữ liệu C06 thuộc Bộ Công an” (Ngô Hải, 2025).

IV. Thực trạng thanh toán số trong nền kinh tế

Hiện nay, các ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam đã triển khai

giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) cho ngành điện lực, nước sạch, các bệnh viện, trường học, công ty dịch vụ bưu chính viễn thông, công ty du lịch, công ty vận tải hành khách, khách sạn, nhà hàng, cơ sở lưu trú và lữ hành, các hãng hàng không, sân bay, bến cảng, cơ quan thuế và hải quan, người hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội,... Không chỉ hợp tác, liên kết với các cơ quan, tổ chức, các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp về phát triển thanh toán số, các NHTM còn triển khai mạnh mẽ dịch vụ thanh toán số thông qua quét mã QR trên điện thoại di động trong hoạt động kinh doanh của các hộ gia đình, cá nhân. Dịch vụ này sử dụng rất tiện lợi trong đời sống kinh tế - xã hội của dân cư và được giới trẻ đặc biệt ưa chuộng. Bên cạnh đó, mã QR đã được ngành Ngân hàng Việt Nam triển khai để thúc đẩy kết nối thanh toán bán lẻ xuyên biên giới với Thái Lan, Lào, Campuchia và đang hướng tới việc mở rộng trong khu vực Châu Á. Việc hợp tác thanh toán song phương thông qua mã QR giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực phù hợp với xu hướng liên kết ASEAN, đồng thời mang lại sự thuận tiện trong giao dịch bằng đồng bản tệ cho công dân Việt Nam khi ra nước ngoài cũng như cho công dân các nước này khi đến Việt Nam.

Kết quả đạt được về thanh toán số trong nền kinh tế. Theo số liệu thống kê từ NHNN cho biết, tính đến cuối năm 2024, giao dịch TTKDTM đạt 17,7 tỷ giao dịch, đạt trên 295,2 triệu tỷ đồng về giá trị, tương ứng về số lượng tăng 56,68% và về giá trị 32,79% so với cùng kỳ năm 2023, gấp 26 lần GDP của Việt Nam. Trong đó, qua kênh điện thoại di động tăng 54,08% về số lượng và 34,03% về giá trị; qua kênh Internet tăng 49,73% về số lượng và 33,12% về giá trị; giao dịch qua QR Code

tăng 104,65% về số lượng và 97,14% về giá trị (Ngô Hải, 2025).

Tính đến cuối tháng 3 năm 2025, tổng số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đã vượt mốc 5,2 tỷ giao dịch, tương ứng với giá trị trên 80 triệu tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2024, số lượng giao dịch tăng 44,43% và giá trị giao dịch tăng 24,34% (Ngô Hải, 2025). Đáng chú ý, thanh toán qua thiết bị di động tăng 39,82%, qua kênh Internet tăng 40,41%, và qua phương thức QR code tăng mạnh đến 81,64%. Số liệu từ Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) ghi nhận 35.665.760 giao dịch với tổng giá trị đạt 81.468.633 tỷ đồng, tăng lần lượt 9,60% về số lượng và 36,81% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, hệ thống Napas xử lý 2.453.426.745 giao dịch với tổng giá trị 14.972.645 tỷ đồng, tăng 13,53% về số lượng và 2,54% về giá trị (Thạch Bình, 2025). Hiện tại, mỗi ngày, Hệ thống TTĐTLNH vận hành trung bình khoảng 820 nghìn tỷ đồng; còn Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử xử lý trung bình 26 triệu giao dịch/ngày. Theo đánh giá, Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử đã vận hành an toàn, hiệu quả, không ngừng mở rộng quy mô, thúc đẩy kết nối và cập nhật các tính năng mới (Trần Hương, 2025).

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của thanh toán số, Ngân hàng Nhà nước cũng đã thường xuyên phối hợp cùng các bộ, ngành và cơ quan liên quan triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, công tác truyền thông và giáo dục tài chính cho khách hàng cũng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng trên nền tảng số. Nhờ vậy, doanh nghiệp và người

dân ngày càng tận dụng hiệu quả tiềm năng, lợi ích mà thanh toán số mang lại. Theo ông Phạm Anh Tuấn - Vụ trưởng Vụ Thanh toán thuộc NHNN cho biết: “Kể từ khi triển khai xác thực sinh trắc học, số lượng vụ việc khách hàng bị lừa đảo mất tiền giảm mạnh. Đặc biệt, tại một số TCTD đã không có phát sinh vụ việc trong thời gian này. Ngoài ra, NHNN cũng đang phối hợp với Bộ Công an xây dựng kho dữ liệu tài khoản có dấu hiệu nghi ngờ gian lận để cung cấp cho các ngân hàng” (Ngô Hải, 2025). Hiện nay, tất cả các hệ thống thanh toán của NHNN, các NHTM và các tổ chức trung gian thanh toán khác được vận hành ổn định, thông suốt và an toàn.

V. Những kết quả đạt được

Một là, ngành Ngân hàng đã và đang triển khai nghiêm túc, quyết liệt các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ. Các ngân hàng đang thực sự đầu tư các nguồn lực thực hiện tốt “Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và “Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ CDS quốc gia giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Hai là, hành lang pháp lý liên tục được hoàn thiện, đồng thời cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng luôn nhận được sự quan tâm đầu tư, nâng cấp và phát triển. Ngoài ra, việc tích hợp, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giữa Ngân hàng Nhà nước (NHNN) với các bộ, ngành có liên quan nhằm hỗ trợ công tác quản lý nhà nước của ngành ngân hàng, cũng như cung cấp dịch vụ công trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh đó, NHNN đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn về xác minh, nhận diện

thông tin khách hàng dựa trên tài khoản VNeID, CCCD gắn chip và dữ liệu dân cư, qua đó tăng cường an ninh, an toàn trong cung ứng dịch vụ cho khách hàng, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của ngành ngân hàng và nền kinh tế nói chung.

Ba là, nhiều ngân hàng thương mại Việt Nam đã và đang chủ động chuyển dịch mô hình kinh doanh từ truyền thống sang mô hình ngân hàng mở (Open Banking). Đây chính là cơ sở để ngành Ngân hàng tiến xa hơn trong quá trình chuyển đổi sang ngân hàng mở một cách toàn diện, nhanh chóng và mạnh mẽ.

Bốn là, thanh toán số trên các thiết bị di động, sử dụng mã QR đang len lỏi trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, kể cả các vùng sâu, vùng xa miền là có dịch vụ Internet đã mang lại những lợi ích không nhỏ cho người dân. Không còn lo tiền giả, tiền giấy rách nát không đủ tiêu chuẩn lưu thông, không lo nhầm lẫn khi kiểm đếm tiền, không lo rơi hay bị trộm cắp, không lo tiền lẻ trả lại, không tốn kém khi chi trả, thanh toán cho các bạn hàng và đối tác. Đặc biệt là không mất nhiều thời gian khi thanh toán. Thanh toán số còn làm tinh giản biên chế một cách tự nhiên, tự nguyện và hiệu quả, làm giảm hàng trăm nghìn nhân viên thu tiền nước sạch, tiền điện, cước viễn thông, cáp truyền hình, internet,...

Năm là, quá trình chuyển đổi số của ngành Ngân hàng đã diễn ra mạnh mẽ đang là động lực thúc đẩy số hoá nền kinh tế một cách nhanh chóng. Có được kết quả này là do ngành Ngân hàng đã tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 khá nổi trội, với tốc độ nhanh chóng.

VI. Một số vấn đề đang đặt ra

Một là, tình trạng lừa đảo tiền dựa trên công nghệ số diễn ra hết sức tinh vi,

phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại. Ngành ngân hàng, cơ quan an ninh và các cơ quan quản lý về công nghệ thông tin vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn hiệu quả tình trạng này nhằm bảo vệ tài sản của người dân có tài khoản tại NHTM.

Hai là, tình trạng thu phí thẻ tín dụng quá cao của các NHTM và doanh nghiệp đối với khách hàng đang là lực cản lớn đối với chuyển đổi số trong lĩnh vực thanh toán. Nhiều trạm đăng kiểm xe cơ giới, số đông các trạm bán lẻ xăng dầu, trừ Petrolimex, chưa chấp nhận thanh toán thẻ tín dụng, nếu có thì thu phí của khách hàng.

Ba là, thanh toán số ở nhiều bệnh viện tuyến huyện, nhiều trường học ở vùng nông thôn, nhiều trung tâm đăng kiểm xe cơ giới, nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ công ở vùng nông thôn, miền núi chưa chuyển động mạnh mẽ.

Bốn là, kết nối cơ sở dữ liệu dân cư với quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, dịch vụ ngân hàng số,... chưa đồng bộ, chưa thật hiệu quả, nên ảnh hưởng đến việc triển khai các dịch vụ số của các NHTM.

Năm là, dịch vụ thanh toán bằng mã QR Code đối với khách hàng ở các nước có kết nối thanh toán bán lẻ xuyên biên giới với Việt Nam mới chỉ thực hiện tốt ở chiều đi. Có nghĩa là người Việt Nam khi sang Thái Lan, Campuchia mua hàng hóa thì dễ dàng thanh toán tiền bằng quét mã QR Code, còn ở chiều ngược lại người dân Thái Lan hoặc Campuchia sang Việt Nam thì không thực hiện thanh toán được bằng mã QR Code. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc các NHTM, khi tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán này, thường ưu tiên triển khai chiều Việt Nam thực hiện thanh toán tại các đơn vị chấp nhận ở nước ngoài. Điều này dẫn đến tình trạng

thiếu nhất quán trong nhận diện thương hiệu tại các điểm chấp nhận thanh toán song phương của ngân hàng so với mạng lưới chấp nhận thanh toán trong nước, gây ra sự nhầm lẫn giữa mã QR thanh toán nội địa và mã QR thanh toán song phương.

VII. Một số khuyến nghị

Đối với Ngân hàng Nhà nước

Cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật phù hợp với bối cảnh và thực tiễn chuyển đổi số ở Việt Nam. Để tạo thuận lợi cho các TCTD ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo sự hài lòng, gắn bó của khách hàng, khi xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, NHNN cần chủ động nắm bắt nhu cầu thực tiễn của người dân, doanh nghiệp và các ngân hàng.

Cần tiếp tục đầu tư nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ của toàn ngành nhằm tăng cường tính an toàn, bảo mật. Trong đó, hạ tầng thông tin tín dụng, hạ tầng thanh toán phải theo kịp và đáp ứng được nhu cầu phát triển của các TCTD, trung gian thanh toán. Đồng thời nâng cao khả năng tích hợp và kết nối giữa các tổ chức tín dụng, đơn vị trung gian thanh toán với các ngành, lĩnh vực liên quan nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Khuyến khích các TCTD và trung gian thanh toán xây dựng, phát triển API (Giao diện lập trình ứng dụng) nhằm kết nối hiệu quả với các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn và tiện ích; đồng thời triển khai hệ thống phòng chống tấn công mạng một cách đồng bộ, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác truyền thông để khách hàng nắm rõ quy trình thực hiện, đảm bảo

bảo mật thông tin và nhận biết các hành vi lừa đảo, gian lận nhằm phòng ngừa rủi ro. Tăng cường cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các bên để kịp thời hỗ trợ, xử lý các sự cố, vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ.

Cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Bộ Khoa học công nghệ để đảm bảo an ninh, an toàn và ngăn chặn kịp thời các cuộc tấn công mạng có chủ đích của các đối tượng vào hệ thống ngân hàng.

Cần tiếp tục triển khai thực hiện Luật Các TCTD 2024, Nghị định số 52/2024/NĐ-CP quy định về hoạt động TTKDTM, Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng.

Chỉ đạo các TCTD tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM cho người dân, doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết cho họ để có thể sử dụng dịch vụ ngân hàng trên kênh số một cách thuận tiện, an toàn và phòng tránh được rủi ro. Bên cạnh đó, các NHTM cần đẩy nhanh kết nối thanh toán 2 chiều mã QR hiệu quả giữa Việt Nam với các nước láng giềng và mở rộng với các nước trong khối ASEAN để thúc đẩy thương mại, du lịch, đầu tư trong nước và khu vực.

Đối với các bộ, ngành, địa phương.
Đẩy mạnh việc kết nối và trao đổi dữ liệu với Ngân hàng Nhà nước nhằm phát triển hệ sinh thái số trong và ngoài ngành Ngân hàng, qua đó tạo ra giá trị gia tăng và mang lại lợi ích thiết thực cho người dân cũng như doanh nghiệp. Bộ Công an sẽ phối hợp chặt chẽ cùng Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành liên quan để đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án 06.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Thạch Bình (2025), Thanh toán không dùng tiền mặt tạo lập thói quen chi tiêu của người dân. Truy cập tại: <https://tapchinganhang.gov.vn/thanh-toan-khong-dung-tien-mat-cao-lap-thoi-quen-chi-tieu-cua-nguoi-dan-16131.html>
- [2]. Hương Dịu (2025). Tháng 7/2025, lĩnh vực ngân hàng đón nhiều thay đổi lớn. Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn/thang-7-2025-linh-vuc-ngan-hang-don-nhieu-thay-doi-lon.html>
- [3]. Phương Đông (2025). Người Việt đang sở hữu gần 157 triệu thẻ ngân hàng. Truy cập tại: <https://vnexpress.net/nguoi-viet-dang-so-huu-gan-157-trieu-the-ngan-hang-4890286.html>
- [4]. Ngô Hải (2025), Chuyển đổi số ngành Ngân hàng: Xây dựng hệ sinh thái số thông minh trong kỷ nguyên mới. Truy cập tại: <https://thitruongtaichinhiente.vn/chuyen-doi-so-nganh-ngan-hang-xay-dung-he-sinh-thai-so-thong-minh-trong-ky-nguyen-moi-67887.html>
- [5]. Trần Hương (2025), Tiếp tục hành trình đột phá chuyển đổi số ngành Ngân hàng trong Kỷ nguyên mới. Truy cập tại: <https://sbv.gov.vn/vi/w/sbv637524>
- [6]. Mersch, Y (2017), Digital Base Money: an assessment from the ECB's Perspective. Speech at the Farewell ceremony for Pentti Hakkarainen, Deputy Governor of Suomen Pankki - Finlands Bank, Helsinki, 16.

DIGITAL TRANSFORMATION IN THE BANKING SECTOR CONTRIBUTES TO PROMOTING DIGITAL PAYMENTS IN THE ECONOMY

*Luong Van Hai*²

Abstract: *In recent years, in order to align with international practices, continuously improve competitiveness, integrate globally, and meet the needs of customers and the economy, Vietnam's banking system - especially commercial banks - has been actively applying digital technologies in their operations. This is a key focus of the banking sector's digital transformation today and in the coming years, with the most evident change being the growth of digital payments and the provision of electronic banking services to customers. This paper analyzes and assesses the current situation of digital transformation in the banking sector and digital payment activities in the economy, and also offers some relevant recommendations.*

Keywords: *digital transformation, banking sector, digital economy, digital payment, digital payment, non-cash payment*

² Faculty of Finance and Banking, Hanoi Open University